

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HSST
Ngày: 14/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Đào Thị Ngâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐST - HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T đối với các bị cáo:

1. Trương Đại L (tên gọi khác: Cu Em), sinh năm 1992; Nơi ĐKNKTT: 18/11 Lê L, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn Liên T 2, xã Bình K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Cha: Trương P1, sinh năm 1966; Mẹ: Trần Thị Thu H1, sinh năm 1967; Vợ: Lê Thị Mỹ D (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 19/12/2007 bị Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 11 năm tù về tội Giết người, đến ngày 02/9/2011 được đặc xá. Bị cáo bị tạm giam ngày 23/11/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Ngọc H2 (tên gọi khác: Chó), sinh ngày 24/4/2006; Nơi ĐKNKTT và tạm trú: không. Chỗ ở: 23/19 Nguyễn Công T, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Phan Trần P2, sinh năm 1973; Mẹ: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: - Từ ngày 09/02/2020 đến ngày 09/10/2020, cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên; - Từ ngày 18/10/2020 đến ngày 18/4/2021, cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp

xã hội tỉnh Phú Yên; - Từ ngày 28/10/2021 đến ngày 27/10/2022, cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên; - Ngày 14/7/2023 bị Công an Phường N, thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; - Ngày 11/8/2023, bị TAND thành phố T ra Quyết định cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên thời hạn 09 tháng kể từ ngày 26/7/2023; Bị cáo đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy và Trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên, thời hạn 09 tháng, từ ngày 27/6/2023 đến 27/3/2024. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp của bị cáo Phan Ngọc H2 có cha mẹ ruột là ông Phan Trần P2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 23/19 Nguyễn Công T, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Bà H3 có mặt, ông P3 vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc H2 có ông Trần Hải Lâm - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị hại:

Phạm Thị Thu N1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 16 Tân T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương P1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn Liên T 2, xã Bình K, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

- Người làm chứng:

Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Liên T 2, xã Bình K, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc H2 có ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, nên khoảng 21 giờ 20 phút ngày 10/5/2023 H2 đi xe đạp ngang qua nhà Phạm Thị Thu N1 ở khu phố Ninh T 6, phường B, thành phố T thấy cửa cổng không khóa, cửa nhà đang mở, H2 dựng xe đạp bên ngoài rồi mở cửa cổng đi vào bên trong phòng khách lên lút lấy 01 cái máy tính bảng hiệu Apple mini 6 của N1 đang để trên bàn rồi đem đến nhà Trương Đại L ở thôn Liên T 2, xã Bình K, thành phố T bán cho L. Tuy không hứa hẹn trước với H2, nhưng sau khi L biết rõ tài sản mà H2 đem đến bán là do trộm cắp của người khác mà có L vẫn đồng ý mua máy tính bảng trên với giá 500.000đ. H2 sử dụng số tiền này mua của L 02

bì thực vật khô (thường gọi là cỏ Mỹ) hết 300.000đ, H2 đã sử dụng hết số cỏ Mỹ và số tiền 200.000đ. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà L, đã phát hiện tạm giữ 04 bì nylon bên trong có thực vật khô và 01 bì nylon bên trong có chất màu hồng cùng số tài sản khác.

Quá trình điều tra L khai nhận số bì cỏ Mỹ và bì nylon bên trong có chất màu hồng L đã mua của một người không xác định tên địa chỉ trên mạng xã hội facebook vào cuối năm 2022 để sử dụng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 43/ KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 máy tính bảng Ipad hiệu APPLE, mi ni 6 giá trị 8.500.000đ.

- Tại Kết luận giám định số 1036/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã kết luận:

+ Mẫu thực vật khô trong 03 gói nylon nêu ở mục 1.1 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA - 4en - PINACA và ADB – BUTINACA, tổng khối lượng mẫu là 0,25gam;

+ Mẫu thực vật khô trong 01 gói nylon nêu ở mục 1.2 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA - 4en – PINACA, khối lượng mẫu là 1,52gam;

+ Mẫu chất rắn màu hồng nêu ở mục 1.3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu là 0,02gam.

Cáo trạng số 12/CT - VKSTH ngày 17/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Trương Đại L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Ngọc H2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trình bày lời luận tội và đề nghị: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung cáo trạng, tuyên bố bị cáo Trương Đại L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo Phan Ngọc H2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo L từ 3 năm tù đến 3 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo L từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 23/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt H2 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Thị Thu N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

+ Về vật chứng: trả lại cho H2 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng, mặt kính bị nứt vỡ; trả lại cho ông Trương P1 01 máy tính bảng màu xám và 01 điện thoại di động IPHONE màu vàng đồng; trả lại cho bị cáo L các điện thoại di động bị thu giữ; tịch thu tiêu huỷ ma tuý giám định còn lại.

+ Về án phí: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo L, bị cáo H2 đều trình bày: thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố, tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về xã hội, làm lại cuộc đời.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H2 trình bày: do cha mẹ bận đi làm nên không có thời gian quản lý, giáo dục dẫn đến H2 nghiện ma tuý và trộm cắp tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo H2 trình bày: thống nhất hoàn toàn với nội dung truy tố của bản cáo trạng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ quá trình dẫn đến việc bị cáo phạm tội và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hơn nữa bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức còn hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương P1 trình bày:

Ông bị thu giữ 01 máy tính bảng màu xám và 01 điện thoại di động IPHONE màu vàng đồng. Do đó, ông xin được nhận lại tài sản trên.

- Người làm chứng bà Trần Thị Thu H1 trình bày: Bà chứng kiến H2 đến nhà bán cho L 01 máy tính bảng IPAD do trộm cắp có được giá 500.000đ. Sau đó, H2 hỏi mua cỏ Mỹ nên L đưa cho H2 02 bì cỏ Mỹ và 200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng nên không nhận xét gì thêm.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 10/5/2023 tại phường B, thành phố T, Phan Ngọc H2 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 máy tính bảng IPAD hiệu APPLE, mini 6 trị giá 8.500.000đ của chị Phạm Thị Thu N1 rồi đem bán cho Trương Đại L ở xã Bình K, thành phố T; L không hứa hẹn trước, biết rõ tài sản do H2 trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 500.000đ. Tiếp đó, L bán cho H2 02 bì cỏ Mỹ có chất ma túy loại MDMA - 4en - PINACA và ADB-BUTINACA với giá 300.000đ cho H2 sử dụng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phan Ngọc H2 phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trương Đại L phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi mua bán trái phép chất ma túy xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước trên lĩnh vực ma túy, gây mất trị an tại địa phương. Các bị cáo do nghiện hút, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên đã thực hiện tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khàn khan khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên H2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Đặc điểm nhân thân của các bị cáo:

[6.1] Bị cáo Trương Đại L: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 19/12/2007 bị Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 11 năm tù về tội Giết người nhưng không chịu rèn luyện, làm ăn lương thiện mà phạm tội.

[6.2] Bị cáo Phan Ngọc H2: Bị cáo không có nơi cư trú ổn định, tuổi đời còn nhỏ nhưng nhiều lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, bị cáo H2 không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà lại phạm tội trộm cắp tài sản khi chưa đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H2 được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly các bị cáo L, H2 ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị Thu N1 đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo L tàng trữ trái phép chất ma túy không đủ định lượng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý hình sự mà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L là đúng quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng vụ án: trả lại cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tài sản bị thu giữ do không liên quan đến tội phạm; tịch thu tiêu huỷ chất ma túy giám định còn lại.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Trương Đại L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Đại L **03 (Ba) năm tù** về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Đại L **09 (Chín) tháng tù** về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Trương Đại L chấp hành hình phạt chung là **03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 23/11/2023.

2. Bị cáo Phan Ngọc H2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo H2 **09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại Phạm Thị Thu N1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

*** Về xử lý vật chứng:** căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tất cả các vật chứng của vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T được xử lý như sau:

- Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc H2 điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, mặt kính bị nứt vỡ.

- Trả lại cho bị cáo Trương Đại L gồm:

- + Điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu OPPO, màu vàng đồng, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng, loại cảm ứng.
- + Điện thoại di động loại bàn phím, hiệu NOKIA, vỏ ngoài màu xanh
- + 02 điện thoại di động hiệu SAMUNG, màu vàng đồng, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu SAMUNG, màu trắng, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu SAMUNG, màu xám, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu bạc, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu IPHONE, màu xám;
- + Điện thoại di động hiệu MOBIISTAR, màu đen, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh, loại cảm ứng;

- Trả lại cho ông Trương P1:

- + Máy tính bảng hiệu IPAD, màu xám bạc, loại cảm ứng;
- + Điện thoại di động hiệu IPHONE, màu vàng đồng;

- Tịch thu tiêu huỷ gói nilon bên trong có chứa 0,91 gam mẫu thực vật khô.

*** Về án phí:** căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Đại L và Phan Ngọc H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

